**Số: 6150227**

| | KIA NEW SPORTAGE 2.0G LUXURY | Kia Sportage 2.0G Signature |
|---|---|---|
| **Giá niêm yết:** | **839.000.000đ** | **929.000.000đ** |
| **KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:** | | |
| Kích thước tổng thể (mm) | 4.685 x 1.865 x 1.660 | 4660 x 1865 x 1700 |
| Chiều dài cơ sở (mm) | 2.755 | 2755 |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm) | - | 5890 |
| Khoảng sáng gầm xe (mm) | 181 | 190 |
| Khối lượng không tải (kg) | - | 1650 |
| Khối lượng toàn tải (kg) | - | 2100 |
| Thể tích khoang hành lý (L) | - | 543 |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L) | 52 | 54 |
| Số chỗ ngồi | 5 | 5 |
| **DẪN ĐỘNG - KHUNG GẦM:** | | |
| Loại động cơ | Smartstream 2.0G | Xăng 2.0L |
| Công suất cực đại (hp @ rpm) | 154 hp / 6.200 rpm | 154 / 6200 |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm) | 192 Nm / 4.500 rpm | 192 / 4500 |
| Hộp số | Tự động 6 cấp (6AT) | 6AT |
| Hệ thống dẫn động | Cầu trước (FWD) | Cầu trước (FWD) |
| Hệ thống treo trước | McPherson | Mc Pherson |
| Hệ thống treo sau | Liên kết đa điểm | Liên kết đa điểm |
| Thông số lốp xe | 235/55 R19 | 235/55 R19 |
| Chế độ lái | Normal, Eco, Sport, My Drive | Normal / Eco / Sport / Smart |
| Chế độ địa hình | - | |
| **NGOẠI THẤT:** | | |
| Cụm đèn trước | LED | LED Projector |
| Đèn trước tự động bật/tắt | ● | ● |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần | ● | |
| Đèn ban ngày LED | ● | ● |
| Đèn sương mù | LED Projector | LED |
| Cụm đèn sau | LED | LED |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện | ● | ● |
| Gạt mưa tự động | ● | ● |
| Cửa sổ trời | - | ● |
| Trang bị khác | Cốp chỉnh điện thông minh | |
| **NỘI THẤT - TIỆN NGHI:** | | |
| Vô lăng bọc da | ● | ● |
| Chất liệu ghế | Da | Da |
| Ghế người lái chỉnh cơ | - | |
| Ghế người lái chỉnh điện | 10 hướng | ● |
| Ghế người lái có nhớ vị trí | - | ● |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ | ● | ● |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện | - | ● |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát | - | ● |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi | - | ● |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin | 12.3" | Full-LCD 12.3” |
| Màn hình giải trí trung tâm | 12.3" | AVN 12.3” |

| | | |
|---|---|---|
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto | Không dây | ● |
| Hệ thống điều hòa tự động | ● | ● |
| Số vùng khí hậu điều hòa | 2 vùng độc lập | 2 |
| Cửa gió cho hàng ghế sau | ● | ● |
| Chìa khóa thông minh | ● | ● |
| Khởi động nút bấm | ● | ● |
| Khởi động từ xa | ● | ● |
| Hệ thống âm thanh | 6 loa | 8 loa Harman/Kardon |
| Lẫy chuyển số | - | ● |
| Sạc không dây Qi | - | ● |
| Phanh đỗ điện tử | ● | ● |
| Giữ phanh tự động Autohold | ● | ● |
| Đèn trang trí nội thất | - | |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX | ● | ● |
| **AN TOÀN:** | | |
| Số túi khí | 06 | 6 |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS | ● | ● |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD | ● | ● |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA | ● | ● |
| Hệ thống cân bằng điện tử | ● | ● |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA | ● | ● |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa | ● | ● |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm | ● | |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe | Trước và sau | Trước & Sau |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù | ● | ●(hỗ trợ tránh va chạm + hiển thị điểm mù) |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ● | |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường | ● | ● |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường | ● | ● |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động | ● | ● |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng | ● | ● |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp | ● | ● |
| Camera lùi | ● | ●(Tích hợp camera 360) |